|  |  |
| --- | --- |
| **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** |  |

**BIỂU RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU 02/RS-KSTT)**

**Tên dự án, dự thảo: Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của**

**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư 14/2015/T-BGTVT ngày 27/4/2015 của Bộ trư­ởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư 33/2016/TT-BGTVT ngày 15/11/2016 của Bộ trư­ởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.**  Mã số: [1.002511](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=3583) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: Quản lý hoạt động vận tải hàng không trong nước và dự báo sản lượng khai thác của các hãng hàng không.  Mục tiêu a.2: Phục vụ công tác bảo đảm an toàn hàng không (các tiêu chuẩn, khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng cảng hàng không, sân bay trước năng lực, nhu cầu vận chuyển của các hãng hàng không)  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: hành khách, các hãng hàng không  Mục tiêu b.1: bảo vệ quyền lợi của hành khách (bảo hiểm).  Mục tiêu b.2: bảo vệ quyền lợi kinh tế của các hãng hàng không (thương hiệu, biểu tượng) và xác định các nghĩa vụ mà hãng hàng không phải thực hiện đối với hành khách. | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu a.2: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.2: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu a.2: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.2: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh. | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài.** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Văn bản đề nghị chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Thông tin về đối tượng đề nghị chấp thuận việc thuê/hoặc cho thuê.  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………….……………………….………………….. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện n:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả đã đảm bảo mục tiêu quản lý.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục đăng ký Điều lệ vận chuyển.**  Mã số: [2.001037](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=3507) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: Kiểm soát, giám sát các điều kiện của người vận chuyển đối với vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi bằng đường hàng không.  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: người tiêu dùng (hành khách, người gửi hàng hóa, bưu gửi)  Mục tiêu b.1: bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng (tránh việc các hãng hàng không áp đặt các quy định gây bất lợi cho người tiêu dùng). | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh. | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký Điều lệ vận chuyển.** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Văn bản đề nghị chấp thuận điều lệ vận chuyển. | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Thông tin về đối tượng đề nghị chấp thuận điều lệ vận chuyển.  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………….……………………….………………….. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện n:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả đã đảm bảo mục tiêu quản lý.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.**  Mã số: [1.004480](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=6319) và [1.004465](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=6298) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: Quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài đặt tại Việt Nam.  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức: người tiêu dùng (hành khách)  Mục tiêu b.1: bảo vệ quyền lợi của hành khách (xác định đầu mối trực tiếp và ngay lập tức có trách nhiệm xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động vận tải của hãng hàng không nước ngoài có khai thác tại Việt Nam). | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh. | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Văn bản đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.  ***Mẫu đơn, tờ khai 2:*** Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam. | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Thông tin về đối tượng đề nghị cấp, cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không?  Hãng hàng không nước ngoài được mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé tại Việt Nam khi đáp ứng: | | Có  Không  (i) Lý do: kiểm soát tư cách pháp nhân của hãng hàng không nước ngoài mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé tại Việt Nam.  (ii) Phương án xử lý: giữ nguyên. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  Thành lập và hoạt động theo pháp luật của quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng. | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện 2:  Quyền kiểm soát pháp lý thuộc về quốc gia nơi đặt trụ sở chính của hãng. | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: kiểm soát hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé đúng như mục đích đã đăng ký.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài.**  Mã số: [1.004421](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=6244) và [1.004420](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=6243) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: Quản lý hoạt động của pháp nhân Việt Nam khi thực hiện hoạt động đại diện cho hãng hàng không nước ngoài.  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức (hành khách):  Mục tiêu b.1: bảo vệ quyền lợi của hành khách (xác định đầu mối trực tiếp và ngay lập tức có trách nhiệm xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động vận tải của hãng hàng không nước ngoài có khai thác tại Việt Nam nhưng không hiện diện tại đây). | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: không cần thiết duy trì quản lý qua hoạt động cấp phép (vì có thể gây hiểu nhầm là đặt ra điều kiện đầu tư, kinh doanh, gây khó khăn cho doanh nghiệp) nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu đã xác định.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do không cần thiết duy trì quản lý qua hoạt động cấp phép (vì có thể gây hiểu nhầm là đặt ra điều kiện đầu tư, kinh doanh, gây khó khăn cho doanh nghiệp) nhưng vẫn bảo đảm mục tiêu đã xác định.  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: đã  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài. | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Mẫu văn bản đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại diện của pháp nhân Việt Nam cho hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam. | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Thông tin về pháp nhân Việt Nam đề nghị đăng ký hoạt động đại diện và thông tin về hãng hàng không liên quan.  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………….……………………….………………….. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện n:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả đã đảm bảo mục tiêu quản lý.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | Sửa đổi Điều 11 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT và bãi bỏ Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT. | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.**  Mã số: [1.004419](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=6242) và [1.004418](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=6241) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: kiểm soát việc giao kết hợp đồng giao nhận hàng hoá để vận chuyển bằng đường hàng không giữa doanh nghiệp giao nhận hàng hoá và người gửi hàng, điều kiện của hợp đồng và việc đã tiếp nhận hàng hoá để vận chuyển.  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:  Mục tiêu b.1: bảo vệ quyền lợi giữa các bên trong hợp đồng giao nhận hàng hoá vận chuyển bằng đường hàng không. | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh. | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp. | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp (áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp của mình).  ***Mẫu đơn, tờ khai 2:*** Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp (áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài). | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Thông tin về doanh nghiệp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp và doanh nghiệp đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………….……………………….………………….. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện n:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả đã đảm bảo mục tiêu quản lý.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không.**  Mã số: [1.002523](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=3603) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: Quản lý quyền khai thác thương mại vận chuyển hàng không (với các điều kiện về hãng hàng không, đường bay, tàu bay khai thác, chuyến bay và đối tượng vận chuyển).  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:  Mục tiêu b.1: xác định phạm vi quyền vận chuyển hàng không đã cấp cho các hãng hàng không; nghiêm cấm mua, bán quyền vận chuyển hàng không, thực hiện các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm hoặc cạnh tranh không lành mạnh; bảo vệ thương hiệu, bao gồm tên thương mại và nhãn hiệu của các hãng hàng không. | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh. | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không. | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Văn bản đề nghị cấp quyền vận chuyển hàng không. | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Khái quát các thông tin mà hãng hàng không sẽ triển khai thực hiện (đường bay; tàu bay khai thác; chuyến bay và đối tượng vận chuyển và kế hoạch bay dự kiến.  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………….……………………….………………….. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện n:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả đã đảm bảo mục tiêu quản lý.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | |
| **1. Tên TTHC**  (+ Mã số hồ sơ trên CSDLQG về TTHC) | | | | **Thủ tục phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không.**  Mã số: [1.002894](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=4114) |
| **2. Lĩnh vực** | | | | Hàng không |
| **3. Văn bản quy định về TTHC** | | | | - Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;  - Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung;  - Thông tư số 52/2018/TT-BGTVT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung. |
| **4. Cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát** | | | | Cục Hàng không Việt Nam |
| **II. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | |
| **1. Mục tiêu cụ thể của TTHC là gì?** | a) Đối với quản lý nhà nước:  Mục tiêu a.1: Kiểm soát các thỏa thuận giữa các hãng hàng không trong các hợp đồng liên danh và các hợp đồng khác mà đối tượng trực tiếp là việc khai thác, sử dụng quyền vận chuyển hàng không, nhằm đảm bảo quyền lợi chung của Việt Nam, của hãng hàng không Việt Nam và bảo đảm quyền lợi của các hãng hàng không nước ngoài theo các hiệp đinhh hàng không song phương mà Việt Nam đã ký.  b) Đối với quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức:  Mục tiêu b.1: đảm bảo quyền lợi của hãng hàng không Việt Nam và quyền lợi của các hãng hàng không nước ngoài theo các hiệp đinhh hàng không song phương mà Việt Nam đã ký. | | | |
| **2. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của TTHC có sự thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Có thay đổi hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: kế thừa mục tiêu của các chính sách đã xác định, không sửa đổi/bổ sung hoặc thiết lập chính sách mới.  b) Có được đáp ứng hay không?  - Mục tiêu a.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh.  - Mục tiêu b.1: Có  Không  Lý do: việc tuân thủ, thi hành được thực thi nghiêm minh. | | | |
| **3. Biện pháp nào có thể được áp dụng khi mục tiêu của TTHC thay đổi hoặc không được đáp ứng?** | a) Duy trì TTHC:  Lý do: thực tiễn đã chứng minh mục tiêu của TTHC này đặt ra có hiệu quả.  b) Bãi bỏ TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  c) Thay thế TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  d) Sửa đổi, bổ sung TTHC:  Lý do: …………………………………………………………………………………………………………  e) Áp dụng biện pháp khác (không phải TTHC):  Lý do: ………………………………………………………………………………………………………… | | | |
| **4. Biện pháp được lựa chọn có dẫn đến sự thay đổi đối với các TTHC khác có liên quan?** | Có  Không  Nếu CÓ,  - Đối với TTHC 1: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………….  - Đối với TTHC n: ………………………………………………………………………………………………  (i) Nội dung thay đổi:……...……………………………………………………………………………………  (ii) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………. | | | |
| **III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, TÍNH HỢP PHÁP CỦA CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH TTHC** | | | | |
| **1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục cấp quyền vận chuyển hàng không. | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, thống nhất và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **2. Trình tự thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định cụ thể các bước, nội dung công việc, trách nhiệm thực hiện của từng bước không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **3. Cách thức thực hiện** | | | | |
| Có được quy định đầy đủ, rõ ràng và phù hợp với đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **4. Hồ sơ** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ; nội dung thông tin của từng thành phần hồ sơ có phục vụ cho xem xét, giải quyết thủ tục hành chính; đã loại trừ hồ sơ trùng lặp hoặc đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hay không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có được quy định rõ ràng và phù hợp về số lượng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **5. Thời hạn giải quyết** | | | | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **6. Cơ quan giải quyết** | | | | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có  Không  (i) Lý do:  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **7. Đối tượng thực hiện** | | | | |
| a) Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng tuân thủ không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là CÓ): …………………………………………………………….. | | | |
| **8. Phí, lệ phí** | | | | |
| a) TTHC có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác không? | - Phí: Có  Không  - Lệ phí: Có  Không  - Chi phí khác: Có  Không | | | |
| b) Quy định về phí và mức phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| c) Quy định về lệ phí và mức lệ phí có hợp lý, hợp pháp không? | - Về lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức lệ phí: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| d) Quy định về chi phí khác có hợp lý, hợp pháp không? | - Về chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………………………………..  - Về mức chi phí khác: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| đ) Cách thức nộp phí, lệ phí có hợp lý không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………...………………………………………………………………………………  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | | | | |
| Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| ***Mẫu đơn, tờ khai 1:*** Văn bản đề nghị phê duyệt hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không. | | | | |
| a) Nội dung thông tin | - Nội dung 1: Khái quát các thông tin hợp tác giữa các hãng hàng không.  Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………………………….. | | | |
| b) Yêu cầu xác nhận (nếu có) | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| c) Ngôn ngữ | Cần thiết: Có  Không ; Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  Nếu KHÔNG, nêu rõ:  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………………………………………..………………. | | | |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | | | | |
| TTHC này có quy định về yêu cầu, điều kiện không? | | Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý: …………………………………………….……………………….………………….. | | |
| Yêu cầu, điều kiện 1:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): ……………………………………….………………… | | |
| Yêu cầu, điều kiện n:  …………………………  ………………………… | | Có hợp lý, hợp pháp không? Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………………………….…………… | | |
| **11. Kết quả thực hiện** | | | | |
| a) Có được quy định về thời hạn có hiệu lực không? | Có  Không  (i) Lý do: việc không quy định thời hạn có hiệu lực của kết quả đã đảm bảo mục tiêu quản lý.  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| b) Quy định thời hạn có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ……………………………………………………………………………….…………………….  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| c) Quy định phạm vi có giá trị hiệu lực có hợp lý, hợp pháp không? | Hợp lý: Có  Không ; Hợp pháp: Có  Không  (i) Lý do: ………………………………………………………………………………………………………..  (ii) Phương án xử lý (Nếu câu trả lời là KHÔNG): …………………………….…………………………….. | | | |
| **12. Văn bản cần sửa đổi, bổ sung** (Đề nghị nêu rõ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; điều, khoản, điểm quy định) | | | | |
| a) Luật | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| b) Pháp lệnh | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| c) Nghị định | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| d) Quyết định của TTCP | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| đ) Thông tư/ Thông tư liên tịch | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| e) Quyết định của Bộ trưởng | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| g) Văn bản khác | | | …………………………………………………………………………………………………… | |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | | | | |
| Họ và tên người điền: Phạm Thị Hương Giang (Chuyên viên, Phòng Vận tải hàng không – Cục Hàng không Việt Nam)  Điện thoại cố định: 024. 3827 2283; Di động: 0988.483.468; Email: giangpth@caa.gov.vn | | | | |